ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/1999/QĐ.UBT	*Cần Thơ, ngày 16 tháng 8 năm 1999*

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ
Về việc tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn
Phòng - Ban và các đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND huyện Vị Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ

- Căn cư Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/06/1994;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/1999/NĐ-CP ngày 01/7/1999 về việc thành lập thị xã Vị Thanh, đổi tên huyện Vị Thanh thành huyện Vị Thủy và thành lập các phường, xã, thị trấn thuộc thị xã Vị Thanh và huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ;
- Theo đề nghị của trưởng Ban tổ chức chính quyền tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

a/- Nay thành lập tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn Phòng - Ban và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, với tên gọi và số lượng Phòng - Ban, các đơn vị sự nghiệp được ghi trong bản phụ lục kèm theo Quyết định này.

b/- Các Phòng - Ban chuyên môn nói trên được sử dụng con dấu riêng và không có tài khoản riêng. Chỉ với Văn phòng UBND huyện Vị Thủy được mở tài khoản riêng để phục vụ chung cho tất cả các Phòng - Ban thuộc UBND huyện Vị Thủy (Trừ Phòng Giáo dục và đào tạo cũng được mở tài khoản riêng vì do tính chất đặc thù của ngành). Các đơn vị sự nghiệp được sử dụng con dấu và mở tài khoản riêng.

Điều 2: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn Phòng - Ban và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Vị Thủy thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 3:

- Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy ra Quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó Phòng - Ban chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện theo phân cấp quản lý cán bộ công chức hiện hành.

- Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế hành chính nhà nước và sự nghiệp được UBND tỉnh giao cho huyện Vị Thủy hàng năm, giao Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy cùng với Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh sắp xếp cán bộ các Phòng - Ban và các đơn vị sự nghiệp theo tiêu chuẩn chức danh công chức nhà nước quy định.

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ
Chủ tịch
VÕ HOÀNG XINH

PHỤ LỤC II a
(Ban hành kèm theo Quyết định số : 71/1999/QĐ.UBT
ngày 16 táng 8 năm 1999 của UBND tỉnh Cần Thơ)

BỘ MÁY BIÊN CHẾ
HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH CẦN THƠ

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP	GHI CHÚ
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	81		
01	Văn phòng UBND	21		
02	Phòng tổ chức chính quyền	3		
03	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	4		
04	Phòng Tài chính	6		
05	Phòng kế hoạch và đầu tư	3		
06	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5		
07	Phòng Tư pháp	3		
08	Phòng Văn hóa - Thông tin	5		
09	Phòng địa chính	4		
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8		
11	Phòng Công - Thương và Khoa học Môi trường	5		
12	Phòng Xây dựng	3		
13	Phòng Giao thông công chính	3		
14	Thanh tra huyện	4		
15	Ban Tôn giáo	1		Biên chế VP.UBND
16	Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em	1		Biên chế VP.UBND
17	Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	2		Biên chế VP.UBND
	SỰ NGHIỆP		172	
01	Đài Truyền thanh		7	
02	Trung tân Văn hóa Thông tin		10	
03	Trung tâm Thể dục Thể thao		7	
04	Trạn Khuyến nông		5	
05	Sự nghiệp giao thông công chính		5	
06	Trạm Thủy lợi		3	
07	Trạm Thú y		5	Do tỉnh Q.lý
08	Trạm Bảo vệ thực vật		3	Do tỉnh Q.lý
09	Trung tâm Y tế		127	Do tỉnh Q.lý
10	Trung tâm giáo dục thường xuyên			
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị			
	HỘI			
01	Hội chữ thập đỏ		2	

Ghi chú: Ngoài các đơn vị do ngành dọc quản lý (Công an, Quân sự, Thế, Kho bạc Nhà nước...) sẽ được phân bổ biên chế theo hệ thống ngành.

PHỤ LỤC II b
(Ban hành kèm theo Quyết định số : 71/1999/QĐ.UBT
ngày 16 táng 8 năm 1999 của UBND tỉnh Cần Thơ)

CHỨC DANH VP.UBND
HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH CẦN THƠ

STT	CHỨC DANH CÔNG CHỨC	SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ	GHI CHÚ
01	Chủ tịch UBND	01	
02	phó chủ tịch UBND	02	
03	Phó chủ tịch HĐND	01	
04	Chuyên viên HĐND	01	
05	Chánh Văn phòng (Nội chính-chung-tổ chức)	01	
06	Phó Văn phòng (01 quản trị - 01 tổng hợp)	02	
07	Chuyên viên nghiên cứu	02	
08	Lưu trữ	01	
09	Văn thư	01	
10	Thủ quỹ	01	
11	Kế toán	01	
12	Tài xế - tài công	01	
13	Tài xế (12 chỗ đi chung)	01	
14	Bảo vệ	01	
15	Tạp vụ	01	
16	Tiếp dân	01	
17	Chuyên viên thi đua	01	
18	Chuyên viên tôn giáo	01	
19	Chuyên viên bảo vệ chăm sóc trẻ em	01	
20	(01 CV + 01 PCT) UBDS và KHHGĐ	02	